

GỐM SÀI GÒN - DI SẢN KHẢO CỔ CỦA ĐÔ THỊ SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HẬU*

1. Di sản đô thị và di sản khảo cổ Thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Di sản đô thị

Di sản đô thị là những cấu trúc vật thể và phi vật thể hình thành vào một giai đoạn hoặc trong toàn bộ tiến trình lịch sử phát triển của đô thị, có giá trị trên các phương diện về công trình kiến trúc, hình thái mặt bằng đô thị, tổ chức không gian công cộng, bối cảnh tự nhiên và nhân tạo, sự đa dạng của các chức năng công trình và các phương thức sinh hoạt đã được kế thừa và gạn lọc trong suốt tiến trình phát triển của đô thị (Phạm Phú Cường 2015: 15).

Di sản đô thị bao gồm toàn bộ các di sản cá nhân, cộng đồng, những tài sản có giá trị được tạo ra trong quá trình hình thành và phát triển đô thị. Di sản đô thị bao gồm cả cơ cấu đô thị, di sản thiên nhiên, di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) và các di sản khác... Có thể hiểu một cách cụ thể, là tập hợp các địa điểm, vị trí, khu phố, các công trình và tập quán mà một xã hội được kế thừa từ quá khứ, muốn bảo tồn và truyền lại cho các thế hệ tương lai. Di sản đô thị ẩn chứa trong nó biết bao ký ức và câu chuyện về lịch sử và con người đô thị.

Khi nói đến di sản văn hóa đô thị, thông thường mọi người nói đến các di sản vật thể (công trình công sở, công trình công cộng, hạ tầng...), mà một công trình đã chỉ ra có 9 loại hình di sản văn hóa vật thể của đô thị (Nguyễn Thị Hậu 2017: 67). Tuy nhiên còn những di sản phi vật thể được thể hiện bằng di sản vật thể, cụ thể là sản phẩm của các nghề thủ công truyền thống của đô thị đó. Những di sản này có nhiều yếu tố gắn với ký ức đô thị, sinh hoạt cộng đồng và lối sống đô thị.

Theo *Luật Di sản văn hóa Việt Nam* (2024): Di sản văn hóa phi vật thể là tri thức, kỹ năng, tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan được cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành, trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học (Công báo số 1519 + 1520 ngày 29-12-2024).

Theo đó, nghề làm gốm truyền thống thuộc lĩnh vực tri thức dân gian - nghề thủ công. Trong đô thị Sài Gòn có các xóm nghề từng được ghi trong sách *Gia Định thành thông chí* (đầu thế kỷ XIX), trong đó có nghề làm gốm. Các nghề thủ công truyền thống là tri thức dân gian gắn với môi trường đô thị: kỹ thuật sản xuất, cách buôn bán, thương mại, giao lưu ngôn ngữ nhất là hệ thống từ ngữ trong kỹ thuật sản xuất.

* Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM

Ngày nhận bài: 02/01/2026; Ngày gửi phản biện: 10/3/2026; Ngày duyệt đăng: 29/3/2026.

Như vậy, di sản phi vật thể ở đô thị chính là những gì còn sống trong ký ức, tập quán và thực hành văn hóa thường ngày của cư dân đô thị - dù hình thành từ truyền thống lâu đời hay đã có biến đổi để thích ứng với nhịp sống hiện đại. Những di sản phi vật thể thường bị “biến mất” hoặc biến đổi do sự phát triển của đô thị, các nghề và sản phẩm thủ công cũng dần biến mất do nhu cầu tiêu dùng của cư dân đô thị và xã hội nói chung. Nghề làm gốm Sài Gòn và nhiều sản phẩm cũng ở trong tình trạng này.

1.2. Di sản khảo cổ

Khái niệm di sản khảo cổ học được sử dụng lần đầu tiên là archaeological property trong Hiến chương Athens về Trùng tu di tích lịch sử (1931) và sau đó tiếp tục trong Khuyến nghị của UNESCO về các nguyên tắc quốc tế áp dụng cho khai quật khảo cổ (1956) là archaeological heritage. Khái niệm Di sản Khảo cổ được định nghĩa rõ ràng trong Hiến chương về Bảo vệ và Quản lý Di sản Khảo cổ (Charter for the Protection and Management of the Archaeological Heritage), được ICOMOS (Hội đồng Quốc tế về Di tích và Di chỉ) thông qua tại Lausanne, Thụy Sĩ, năm 1990 (thường gọi tắt là Hiến chương Lausanne 1990). Theo Điều 1 của Hiến chương này:

“Di sản Khảo cổ (The archaeological heritage) là một phần của di sản vật chất mà trong đó các phương pháp khảo cổ học cung cấp thông tin sơ cấp. Di sản này bao gồm tất cả các dấu tích về sự tồn tại của con người (all vestiges of human existence) và bao gồm: Các địa điểm (places) liên quan đến tất cả các biểu hiện của hoạt động của con người. Các cấu trúc bị bỏ hoang (abandoned structures). Dấu tích của mọi loại hình (remains of all kinds) (bao gồm cả các di chỉ dưới lòng đất và dưới nước - subterranean and underwater sites). Cùng với tất cả các di vật văn hóa di động (portable cultural material) có liên quan đến chúng”.

Như vậy, di sản khảo cổ học là bộ phận di sản vật chất mà các phương pháp khảo cổ học cung cấp cho chúng ta những hiểu biết cơ bản về nó. “Di sản này bao gồm mọi vết tích của con người lưu lại trong những địa điểm liên quan đến mọi hoạt động của con người, trong những cấu trúc đã bị hoang phế, trong những vết tích đủ các loại (cả những di chỉ dưới đất và dưới nước) cũng như các vật liệu văn hóa gắn liền với các di tích đó” (Lê Thị Minh Trà 2016: 9).

Khái niệm di sản khảo cổ bao gồm các khái niệm của khảo cổ học như di tích, di chỉ, di vật. Căn cứ theo tính chất, di sản khảo cổ học được xem là một loại hình của di sản văn hóa vật thể, nhưng là nguồn văn hóa mong manh và không tái sinh được, dễ bị tổn thương bởi những tác động của môi trường và xã hội, bởi phần lớn là những vết tích, phế tích, cấu trúc không trọn vẹn và không còn duy trì được những công năng sử dụng ban đầu. Đặt trong bối cảnh khảo cổ học đô thị góp phần bảo tồn di sản văn hóa đô thị, gốm Sài Gòn không chỉ là sản phẩm thủ công truyền thống mà còn phản ánh tiến trình hình thành, giao thoa văn hóa - kỹ thuật và phát triển của một dòng gốm đa văn hóa. Đó chính là giá trị di sản khảo cổ đồng thời là di sản đô thị của gốm Sài Gòn.

2. Gốm Sài Gòn - những đặc trưng cơ bản

2.1. Bối cảnh xã hội

Về địa danh Sài Gòn, sách *Gia Định thành thông chí* có ghi chép về Phố chợ Sài Gòn - tức Chợ Lớn ngày nay (Trịnh Hoài Đức 1820, 2019: 559). “Nhất cận thị, nhị cận giang”, Xóm lò gốm nằm giữa vùng Sài Gòn, nơi tập trung nhiều phố chợ nhất miền Gia Định khi ấy “Phố xá trù mật buôn bán suốt ngày đêm, là nơi đô hội thương thuyền của các nước, cho nên trăm món hàng hóa phải tụ hội nơi đây”. Đó là một khu vực buôn bán sầm uất, đường phố đan nhau ngang dọc, phố xá liền mái, người Việt và người Hoa cùng sinh sống. Đặc biệt ghi rõ các miếu và hội quán ở đây, đến nay các

công trình gần như vẫn còn nguyên vị trí và tên gọi. Trên bản đồ Phú Gia Định do Trần Văn Học vẽ năm 1815 có ghi địa danh Xóm Lò gốm - một trong những làng nghề nổi tiếng của Sài Gòn xưa.

Dựa vào chỉ dẫn trên bản đồ này và từ kết quả khảo sát thực địa, thì những lò gốm bấy giờ gồm các làng Phú Giáo - Gò Cây Mai, làng Phú Định - Phú Lâm, làng Hòa Lục mà ngày nay thuộc địa phận các quận 11, quận 6, quận 8. Dấu tích của các lò gốm ven kênh rạch, mức độ lưu thông vận chuyển và hệ thống chợ búa (bến) mua bán sản phẩm đã làm nên các địa danh kênh - rạch - bến lò gốm, xóm Đất, xóm Lò Siêu, khu lò Lu, cầu Lò Chén. Từ năm 1772 con kênh Ruột Ngựa được đào để nối liền từ Sa Giang ra phía Bắc đến Lò Gốm (Trịnh Hoài Đức 1820, 2019: 75). Như vậy, khu lò gốm chắc chắn đã khởi lập trước năm này tại vùng Sài Gòn xưa, nay là khu vực Chợ Lớn. Di tích còn lại là khu vực lò gốm Cây Mai và di tích lò gốm cổ Hưng Lợi (phường 16 quận 8) (Nguyễn Thị Hậu 1998: 40-43). Cả hai khu vực sản xuất này đã không còn hiện diện, tuy dấu tích của khu lò Cây Mai còn thể hiện trên một số địa danh ở quận 11, còn lò gốm cổ Hưng Lợi khai quật năm 1997-1998 nhưng sau một thời gian bảo tồn, di tích quốc gia này đã bị phá hủy vào năm 2018 (Trung Dũng 2019).

Gốm Sài Gòn là dòng gốm ra đời khoảng cuối thế kỷ XVIII, phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX tại khu vực Sài Gòn mà sau này gọi là Chợ Lớn, một trung tâm thương mại lớn nhất Nam Kỳ. Sản phẩm nổi bật nhất của xóm Lò Gốm là gốm trang trí kiến trúc: Phù điêu nhiều màu, tượng linh thú, gạch trang trí men xanh - vàng - nâu - lam. Bên cạnh đó còn rất nhiều loại gốm xây dựng và gốm gia dụng. Dù ngày nay không còn tồn tại các lò gốm nhưng những mảng phù điêu, tiểu tượng trang trí, gạch men màu còn lưu lại trong các công trình tín ngưỡng, hội quán, chùa chiền... Những vật dùng nội thất và trang trí như đèn, chậu, bình, đồ dùng trong ẩm thực... đã trở thành những “ký ức vật chất” quý giá của cư dân Sài Gòn - Chợ Lớn và cả Nam Bộ.

Khác với nhiều vùng gốm trong cả nước thường thiên về đồ gia dụng hoặc gốm xây dựng, gốm Sài Gòn nổi tiếng vì sự gần bó trực tiếp với cảnh quan đô thị, vì sự hiện diện trên kiến trúc như nóc miếu, cột đình, mái chùa, cổng hội quán... Chính nhờ vậy, gốm Sài Gòn không chỉ là sản phẩm thủ công mà còn là yếu tố nhận diện bản sắc thị giác đô thị Sài Gòn thế kỷ XIX - XX.

2.2. Định danh Gốm Sài Gòn

Quá trình khai phá vùng đất mới Nam Bộ từ cuối thế kỷ XVII (1698) cho đến ngày nay cũng là quá trình hình thành một vùng gốm mới ở miền Đông Nam Bộ, so với vùng gốm Bắc Bộ (gốm Chu Đậu, Bát Tràng...) và Trung Bộ (Gò Sành, Châu Ổ, Quảng Đức...) thì có sự khác biệt về loại hình sản phẩm, kỹ thuật và quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ. Vùng sản xuất đầu tiên là Xóm lò gốm nằm trong địa bàn Chợ Lớn (Sài Gòn xưa). Từ khoảng đầu thế kỷ XX do quá trình đô thị hóa, sau năm 1931 là thời điểm hai đô thị Sài Gòn và Chợ Lớn sáp nhập thành một đơn vị hành chính mới gọi là Khu Sài Gòn - Chợ Lớn. Do đó, vùng nguyên liệu bị thu hẹp, quy hoạch phát triển đô thị làm cho xóm lò gốm lần lượt di chuyển ra các tỉnh lân cận, nhiều nhất là vùng Lái Thiêu (Bình Dương) và Biên Hòa (Đồng Nai), tuy trước đó ở hai khu vực này đã có một số lò gốm sản xuất đồ gia dụng.

Nửa sau thế kỷ XX, gốm gia dụng và gốm mỹ nghệ Biên Hòa, Lái Thiêu đã dần thay thế vai trò của gốm Sài Gòn. Dùng tên gọi Gốm Sài Gòn không làm nhầm lẫn với gốm Lái Thiêu hay gốm Biên Hòa, vì trong các di tích gốm Sài Gòn đã khai quật và khảo sát thì không có tầng văn hóa có cả 3 loại gốm này. Gốm Lái Thiêu và Biên Hòa có vùng sản xuất tập trung riêng, tạo tên gọi riêng, niên đại cũng khác nhau.

Căn cứ vào quá trình phát triển của nghề làm gốm truyền thống ở khu vực miền Đông Nam Bộ, trước đây các loại gốm sản xuất ở đây thường được biết dưới tên gọi gốm Cây Mai - một khu lò của Xóm lò gốm Sài Gòn xưa, gốm Biên Hòa và gốm Lái Thiêu. Đây cũng là ba dòng gốm có mối

liên hệ cội nguồn và phát triển từ những đặc trưng chung độc đáo mang tính chất văn hóa vùng. Từ góc độ khoa học, để định danh và phân biệt các dòng gốm cổ sản xuất tại miền Đông Nam Bộ, chúng tôi cho rằng cần xác định cụ thể tên gọi của ba vùng gốm này.

Gốm Sài Gòn: Gồm các lò gốm khu vực Gò Cây Mai quận 11, khu vực làng Hòa Lục, Phú Định quận 6, quận 8; Sài Gòn là địa danh xưa chỉ khu vực Chợ Lớn ngày nay - nơi có Xóm Lò Gốm ghi trên bản đồ và trong sử sách.

Gốm Biên Hòa: Làng gốm Tân Vạn (khu lò lu, lò sành)... Các loại gốm từ trường Mỹ nghệ Biên Hòa, muộn hơn là gốm Thành Lễ và những cơ sở sản xuất gốm hiện nay.

Gốm Lái Thiêu: Làng gốm Lái Thiêu, Tân Phước Khánh và Chánh Nghĩa... sau này là gốm Minh Long và những lò gốm thủ công hiện còn sản xuất.

Những tên gọi này tương đương như tên gọi của gốm Bát Tràng, gốm Chu Đậu, gốm Đông Triều... ở miền Bắc, gốm Phước Tích, Gò Sành, Châu Ổ ở miền Trung... Vừa chỉ địa danh dân gian cụ thể, vừa cho biết không gian của một làng gốm cổ. Mỗi làng gốm Sài Gòn, Lái Thiêu hay Biên Hòa có đặc trưng riêng và thịnh đạt vào những thời điểm khác nhau, song tất cả cùng hòa vào và tạo nên dòng chảy của vùng gốm cổ Đông Nam Bộ, có thể đối sánh với những vùng sản xuất gốm nổi tiếng khác trong nước (Nguyễn Thị Hậu 2010: 243-249).

Gần đây, tên gọi Gốm Nam Bộ được nhiều nhà sưu tập sử dụng có thể dùng để chỉ chung tất cả các dòng gốm sản xuất tại Nam Bộ từ xưa đến nay. Hiện nay cùng với gốm Biên Hòa, Lái Thiêu một số tỉnh ở Nam Bộ cũng phát triển nghề làm gốm xây dựng và gốm mỹ nghệ, xuất khẩu đi nhiều nơi, như ở Măng Thít (Vĩnh Long) hay Sa Đéc (Đồng Tháp)... Mặt khác, khái niệm hành chính “Nam Bộ” xuất hiện muộn hơn nghề làm gốm ở đây, vì vậy “việc cần thiết phân định gốm cổ gồm 3 dòng gốm Sài Gòn, Biên Hòa, Lái Thiêu và gốm Nam Bộ hiện đại sản xuất từ cuối thế kỷ XX đến nay là cần thiết trong khoa học và thực tiễn” (Nguyễn Thị Hậu 2023: 38-39).

2.3. Đặc trưng sản phẩm, kỹ thuật sản xuất Gốm Sài Gòn

2.3.1. Sản phẩm mang tính ứng dụng cao

Sản phẩm đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội, nhu cầu hàng ngày của giới bình dân và cả tầng lớp cao hơn. Đó là nhóm đồ gốm dùng chứa đựng (lu, hũ, khạp, chậu...), nấu nướng (nồi, ơ, siêu, ấm...), ăn uống (đĩa, bát, tô, bình trà bình rượu, ly, cốc, ống nhỏ, ống đũa...), nhóm đồ dùng trong sinh hoạt tinh thần (tượng thờ, chân đèn, đèn gốm, lư hương, mâm bồng, ống bút...), nhóm gốm trang trí nội ngoại thất (đôn, chậu, gạch bông gió, lan can, tượng thú...), nhóm xây dựng, trang trí kiến trúc (gạch, ống nước, quần thể tượng gốm, phù điêu...). Loại hình, kiểu dáng của sản phẩm gốm kiểu dáng phong phú, đa dạng và có xu hướng hiện đại.

Những bộ sưu tập gốm Sài Gòn đều cho thấy hầu hết sản phẩm rất đẹp nhưng đều có dấu vết đã qua sử dụng. Tức là, sản phẩm từ lúc làm ra cho đến khi người ta chứng minh được giá trị của nó xứng đáng để sưu tập đồ cổ thì luôn được tham gia vào cuộc sống chứ không tách ra riêng biệt để thưởng ngoạn như một số dòng gốm khác. Điều này thể hiện tính cách, cá tính của người Nam Bộ là làm bất cứ một vật gì cũng hướng đến tính ứng dụng thực tế, chứ không trưng bày, trang trí thuần túy.

2.3.2. Sản phẩm phản ánh rõ nét tình trạng xã hội

Giai đoạn phát triển khai khẩn ở Nam Bộ: Sản xuất nhiều lu khạp chứa nước mưa, chứa nước sông rạch để lắng phèn, men và trang trí hoa văn đơn giản nhưng sinh động, gần gũi tâm thức người bình

dân. Bên cạnh đó vẫn có loại sản phẩm kiểu Trung Quốc, kiểu Pháp cao cấp hơn với chất lượng men, cốt tốt hơn phục vụ giới thượng lưu hoặc dịp đặc biệt của giới bình dân, phản ánh nhu cầu thưởng lãm mỹ nghệ. Nhiều đồ gốm có hiệu đề còn cho biết tên lò, người đặt hàng hay các tiệm bán đồ gốm, có minh văn phản ánh ước mong một cuộc sống sung túc, bình an (Nguyễn Thị Hậu 2023: 38-52).

2.3.3. Màu men và hoa văn

Vật dụng hàng ngày thường đơn sắc (men nâu, men vàng, men xanh), men khá dày dặn, bền vững với thời gian. Nhóm đồ dùng liên quan ẩm thực có hoa văn men nhiều màu, thường có ký hiệu tên lò, tên tiệm bán gốm hay hoa văn kiểu phóng bút, chấm phá một cách phóng khoáng, sinh động. Nhóm đồ gốm thờ cúng màu sắc phù hợp, đẹp mắt, tạo dáng chân thực (tượng gốm). Tuy vậy ngoài việc thỏa mãn nhu cầu hữu dụng, người thợ gốm cũng thể hiện nhu cầu thẩm mỹ của sản phẩm bằng cách phối màu sắc bắt mắt, tạo ra màu men mới lạ, dùng nhiều thủ pháp trang trí khác lạ... Ít có sản phẩm nào màu men trơn mà hầu hết được trang trí phủ kín, buộc người xem phải chú ý ngắm nhìn để rồi tìm ra, nhìn ra những đồ án hoa văn hay “câu chuyện” từ sản phẩm gốm Nam Bộ. Có thể nói đây là một đặc trưng của dòng gốm này.

2.3.4. Kỹ thuật sản xuất

Khai quật lò gốm cổ Hưng Lợi quận 8 thành phố Hồ Chí Minh đã mang lại những bằng chứng của kỹ thuật sản xuất gốm Trung Quốc, gồm cấu trúc lò gốm và các phương pháp kỹ thuật (Đặng Văn Thắng, Nguyễn Thị Hậu 2001: 101-122). Về cơ bản kỹ thuật làm gốm có thể nhận biết qua lò nung, cách thức tạo dáng, tạo hoa văn, màu men, và các loại hình sản phẩm.

Lò nung là loại lò ống/lò rồng dài thông suốt và độ dốc tăng dần từ bầu lửa đến ống khói, có thể có nhiều ngăn. Diện tích các khu lò gốm từ vài trăm đến vài ngàn mét vuông cho biết quy mô sản xuất và nhu cầu của thị trường, nhìn vào sản phẩm còn biết sự chuyên môn hóa cao của từng lò gốm, từng vùng gốm cổ. Đây cũng là một đặc điểm phản ánh tình trạng xã hội có nhu cầu cao về đồ gốm cũng như việc tổ chức sản xuất có chuyên môn hóa chặt chẽ.

Tạo dáng: Duy trì kỹ thuật làm gốm bằng phương pháp dải cuộn hoặc nặn khối kết hợp bàn đập, hòn kê, hoặc kết hợp bàn xoay chậm cho loại sản phẩm kích thước lớn, dày dặn chắc chắn, độ nung cao. Phương pháp tạo khối trên bàn xoay nhanh, in khuôn với sản phẩm vừa và nhỏ. Tạo dáng kết hợp tạo hoa văn và màu men từ tổng thể đến các chi tiết một cách nhất quán tạo nên đồ gốm có đặc trưng riêng, độc đáo.

Từ đặc điểm kỹ thuật và loại hình sản phẩm, có thể nhận biết nguồn gốc của gốm Sài Gòn là từ sự kết hợp của nghề làm gốm của người Việt từ miền Trung vào khai phá nơi đây, với truyền thống sản xuất gốm Trung Quốc mà lưu dân người Hoa mang theo khi vào sinh sống ở vùng đất này. “Đất nào, nước nào phong thổ nào thì con người đó, mà con người nào thì sản phẩm đó. Người Nam Bộ làm ra gốm Nam Bộ, cởi mở đón nhận nhưng vẫn giữ được nét đặc sắc vốn có của mình” (Nguyễn Thị Hậu, Lê Thiết Cương 2015). Tính chất cởi mở, tiếp nhận kỹ thuật mới và sáng tạo sản phẩm mới đã góp phần vào sự phát triển kinh tế thị trường từ rất sớm của vùng đất Nam Bộ.

2.3.5. Vùng sản xuất và tiêu thụ chính

Đối với nghề làm gốm, vị trí thuận lợi là yếu tố quan trọng hàng đầu: Làng gốm phải là nơi có nguồn nguyên liệu dồi dào, phù hợp, có đường giao thông (đường thủy) thuận tiện cho việc chuyên chở sản phẩm gốm. Xóm lò gốm của Sài Gòn xưa ở vào một vị trí như vậy. Chất đất ở đây thích hợp cho việc sản xuất đồ gốm gia dụng và gạch ngói. Thị trường của xóm lò gốm ở Sài Gòn

xưa không phải chỉ là khu vực Gia Định - Đồng Nai, mà còn là cả miền Tây Nam Bộ rộng lớn đang trong quá trình khẩn hoang và nhiều nơi khác trong cả nước (Nguyễn Thị Hậu 1998: 40-43).

2.4. Khái niệm Gốm Sài Gòn

Như vậy, từ góc độ khảo cổ học đô thị và những phân tích về bối cảnh xã hội và đặc trưng sản phẩm, kỹ thuật sản xuất, có thể cho rằng, “**Gốm Sài Gòn**” là khái niệm dùng để chỉ một **hệ thống di sản vật chất và kỹ thuật sản xuất gốm hình thành và phát triển trong không gian đô thị Sài Gòn (nay là Chợ Lớn) từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX**. Khái niệm di sản này bao gồm các di tích lò gốm (cùng nơi khai thác nguyên liệu, bãi thải sản xuất), các loại hình di vật gốm phục vụ đời sống sinh hoạt, tín ngưỡng và kiến trúc của cư dân đô thị Sài Gòn và Nam Bộ. Đồng thời, “Gốm Sài Gòn” còn phản ánh **hệ thống tri thức và kỹ thuật chế tác gốm truyền thống**, được hình thành từ sự giao lưu và tiếp biến chủ yếu giữa hai cộng đồng cư dân Hoa, Việt. Trong bối cảnh lịch sử - xã hội, Gốm Sài Gòn được xem là **một bộ phận quan trọng của cấu trúc kinh tế - thủ công nghiệp** gắn với mạng lưới giao thông kênh rạch và hệ thống thương mại của Sài Gòn xưa. Vì vậy, “Gốm Sài Gòn” không chỉ là sản phẩm thủ công mà còn là **chứng tích vật chất phản ánh quá trình hình thành, phát triển và đời sống văn hóa - xã hội trong lịch sử đô thị Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh**.

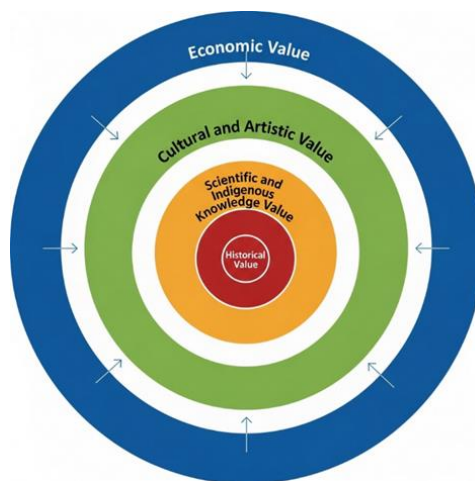
3. Giá trị di sản của Gốm Sài Gòn

3.1. Giá trị di sản khảo cổ

Giá trị di sản khảo cổ là một bộ phận đặc thù của giá trị di sản văn hóa, nhưng không trùng lặp hoàn toàn. Nó có phạm vi hẹp hơn, nhưng chiều sâu lịch sử - khoa học thường sâu hơn. Giá trị di sản khảo cổ là hệ thống giá trị khoa học, lịch sử và tư liệu gốc được hình thành từ các di tích, di chỉ và hiện vật vật chất phản ánh trực tiếp tiến trình phát triển của xã hội trong quá khứ; trong khi giá trị di sản văn hóa nói chung có phạm vi rộng hơn, bao gồm cả các giá trị vật thể, phi vật thể, biểu tượng và ký ức cộng đồng.

Giá trị di sản khảo cổ của Gốm Sài Gòn thể hiện bằng dấu tích vật chất của quá khứ được phát hiện qua khảo cổ học: Di tích khảo cổ học là khai quật lò gốm cổ Hưng Lợi, khảo sát các địa điểm lò gốm cổ trong không gian đô thị Sài Gòn xưa. Tầng văn hóa của lò gốm cổ Hưng Lợi và hồ thám sát, khảo sát cho biết các lớp văn hóa với các loại hình di vật đặc trưng. Trên các di tích kiến trúc còn nhiều hiện vật ghi niên đại, nơi sản xuất...

Giá trị di sản khảo cổ của Gốm Sài Gòn là tính xác thực vật chất (material authenticity), niên đại và các tầng văn hóa phản ánh quá trình sản xuất của một di chỉ và phản ánh lịch sử của Xóm Lò gốm Sài Gòn xưa. Hiện vật Gốm Sài Gòn ở nhiều công trình tôn giáo - tín ngưỡng còn là “đặc trưng” để nhận diện từ góc độ khảo cổ học kiến trúc.



Sơ đồ 1. Giá trị di sản của Gốm Sài Gòn theo một sơ đồ vòng tròn đồng tâm, từ cốt lõi lịch sử ra đến giá trị kinh tế hiện đại. Sơ đồ này cho thấy rõ sự kế thừa và tích hợp các lớp giá trị, từ nền tảng cốt lõi đến ứng dụng thực tiễn

(Nguồn: Nguyễn Thị Hậu 2025)

Đây là nguồn “tư liệu gốc” thể hiện bằng vật chất những gì mà nhiều tư liệu văn bản về đô thị Sài Gòn đã ghi chép (Đặng Văn Thắng, Nguyễn Thị Hậu 2001: 101-122). Giá trị khoa học của di sản khảo cổ Gốm Sài Gòn là đã cung cấp dữ liệu về khu vực cư trú và sản xuất, địa bàn và kỹ thuật sản xuất, cấu trúc đô thị cổ (khu vực làng nghề cùng các công đoạn như khu khai thác nguyên liệu, khu buôn bán sản phẩm...). Nguồn tư liệu này nếu bị phá hủy thì không thể tái tạo, nhất là di tích khảo cổ học như Lò gốm cổ Hưng Lợi.

Ngoài giá trị đặc thù là giá trị di sản khảo cổ, Gốm Sài Gòn còn có các giá trị di sản văn hóa chung khác.

3.2. Giá trị lịch sử

Có thể nói, giá trị lịch sử quan trọng nhất của dòng gốm Sài Gòn là “nhân chứng” của quá trình hình thành và phát triển Đô thị Sài Gòn (bao gồm cả khu vực Chợ Lớn và Bến Nghé/Sài Gòn).

Một trong những tính chất đặc trưng của đô thị Nam Bộ là “đô thị sông nước” (Nguyễn Thị Hậu 2017: 49), người ta biết đến đô thị không chỉ là những thành trì, các công trình hành chính hay tôn giáo mà còn được biết đến vì những con sông, kênh rạch chằng chịt giao thương như những mạch máu, những bến/cảng (sông, biển) nổi tiếng với sự phong phú của hàng hóa, sự giao lưu trao đổi buôn bán trù mật, sự đông đúc đa dạng của cư dân. Sự phát triển của Xóm Lò gốm và sản phẩm gốm Sài Gòn đều phản ánh tính chất sông nước của đô thị Sài Gòn, từ vị trí các khu lò gốm, những con đường chuyên chở nguyên liệu và sản phẩm, sản phẩm phục vụ nhu cầu của cư dân vùng sông nước...

Nhìn vào các loại hình sản phẩm, quy mô và khu vực sản xuất gốm Sài Gòn có thể nhận biết sự phát triển đô thị, quá trình đô thị hóa, quy mô dân cư, nhu cầu dân cư, tính chất dân cư (giàu/nghèo/tộc người...). Đặc biệt, nhiều loại sản phẩm gốm Sài Gòn còn phản ánh lịch sử quy hoạch, kiến trúc và xây dựng của đô thị Sài Gòn. Mức độ sản xuất gốm Sài Gòn phản ánh nhu cầu thị trường, qua đó có thể nhận biết đô thị Sài Gòn sớm mang tính chất kinh tế thị trường.

Sự hiện diện rộng rãi của gốm Sài Gòn trong không gian kiến trúc đã góp phần kiến tạo hình ảnh đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn, một thành phố trung tâm kinh tế, dịch vụ và kỹ nghệ sôi động, cũng là nơi hội tụ nhiều nền văn hóa. Chủ nhân và khách hàng của gốm Sài Gòn chủ yếu là người Sài Gòn nói riêng và Gia Định nói chung. Vì vậy Gốm Sài Gòn là sản phẩm thể hiện tri thức bản địa của vùng đất Sài Gòn. Tuy nhiên sản phẩm gốm Sài Gòn còn có mặt ở nhiều địa phương khác do tính chất đáp ứng nhu cầu thị trường nơi ấy về mẫu mã, loại hình...

3.3 Giá trị văn hóa - xã hội

3.3.1. Sự giao thoa văn hóa Việt - Hoa

Ban đầu, nghề gốm được một bộ phận người Hoa nhập cư sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống và tinh thần (tín ngưỡng, tôn giáo) của cộng đồng người Hoa, người Minh Hương. Nhưng

sau đó đã tiếp thu và hòa trộn với văn hóa, tín ngưỡng của người Việt bản địa. Điều này thể hiện rõ qua các sản phẩm gốm mỹ thuật, đặc biệt là tượng gốm thờ tự và trang trí đình, chùa, miếu. Hình tượng các vị thần, linh vật hay các câu chuyện dân gian Việt - Hoa được thể hiện bằng kỹ thuật gốm đắp nổi tinh xảo, tạo nên một phong cách riêng biệt.

3.3.2. Ngôn ngữ nghệ thuật độc đáo

Gốm Sài Gòn nổi bật với kỹ thuật đắp nổi và trang trí men màu. Những tác phẩm như các bức phù điêu, tượng thờ, cặp rồng châu... trên nóc các ngôi đình, miếu ở Sài Gòn và Nam Bộ đều mang đậm phong cách riêng: sử dụng các gam màu men đặc trưng như xanh coban, xanh rêu, nâu lươn, trắng ngà, tạo nên vẻ đẹp cổ kính và trang trọng. Kỹ thuật này đã ảnh hưởng đến nhiều dòng gốm sau này ở Nam Bộ như gốm Biên Hoà, Lái Thiêu, góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật gốm Việt.

3.3.3. Gốm Sài Gòn như một “ký ức đô thị”

Đặt trong góc nhìn khảo cổ học đô thị, gốm Sài Gòn có thể coi là một “lớp trầm tích” vật chất của đô thị Sài Gòn. Đó là đời sống xã hội cho biết sự phát triển của cộng đồng người Hoa và vai trò của họ trong cấu trúc đô thị. Đó là không gian kiến trúc do sự phổ biến của gốm Sài Gòn trong chùa, hội quán cho thấy nó là sản phẩm dịch vụ đô thị, gắn chặt với kiến trúc tín ngưỡng và thương mại. Đó là bản sắc thẩm mỹ vì gốm Sài Gòn trở thành một “ngôn ngữ hình ảnh” định hình diện mạo đô thị Sài Gòn thế kỷ XIX.

Điều đặc biệt là dù các lò gốm đã biến mất từ khoảng nửa đầu thế kỷ XX, nhưng những di tích gắn với gốm Sài Gòn còn lưu lại khá nhiều trong lòng đô thị, như quần thể di tích của người Hoa ở khu vực Chợ Lớn - Sài Gòn xưa, trên nhiều đình, chùa, lăng, miếu của người Việt... Đó là bằng chứng sống động của một đô thị trải qua nhiều giai đoạn lịch sử và sự hòa hợp của cộng đồng người Việt, người Hoa.

3.4. Giá trị kinh tế

Gốm Sài Gòn từng là sản phẩm tiêu dùng phổ biến ở Nam Bộ, thậm chí ở nhiều nơi khác trong cả nước. Khảo sát một số tỉnh thành ở miền Bắc tác giả nhận thấy nhiều loại gốm Sài Gòn như đôn voi, chậu hoa đắp nổi, khắc chìm với màu men đặc trưng... còn hiện diện ở nhiều chùa, đền, nhà dân¹. Khu vực Tây Nguyên cũng còn lưu giữ những lu gốm men nhiều màu kích thước lớn mà nơi này gọi là chóc...² Trong thế kỷ XX một số sản phẩm gốm Sài Gòn còn ra nước ngoài bằng nhiều con đường khác nhau. Đây là một trong những minh chứng vai trò Sài Gòn - Chợ Lớn như một trung tâm thương mại lớn trong thế kỷ XIX - XX, nơi sản xuất những hàng hóa đáp ứng nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng đa dạng.

Nhiều sản phẩm gốm Sài Gòn đã trở thành cổ vật quý hiếm. Như vậy từ góc độ kinh tế, có thể khôi phục thương hiệu nổi tiếng của một sản phẩm địa phương. Giá trị kinh tế của gốm Sài Gòn không chỉ ở sản phẩm gốm cổ /cổ vật/bảo vật mà còn ở khả năng tái sinh thương hiệu di sản để phục vụ du lịch, thương mại, công nghiệp sáng tạo và phát triển cộng đồng³.

4. Hiện trạng và giải pháp bảo tồn di sản khảo cổ Gốm Sài Gòn

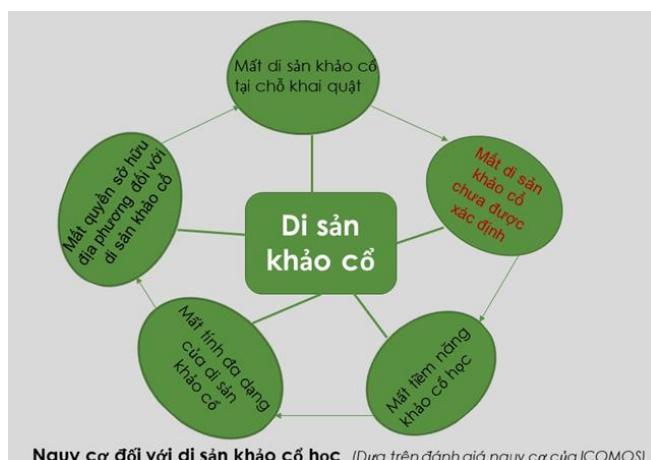
4.1. Hiện trạng

Di tích và di vật khảo cổ học phức tạp và đa dạng bao nhiêu thì nguy cơ, khó khăn và thách thức đối với nhận diện, bảo vệ, bảo tồn và nhất là làm sống lại các giá trị của những di tích và di vật khảo cổ (tức là di sản khảo cổ) cũng đa dạng và phức tạp tương ứng (Lâm Thị Mỹ Dung 2021). Gốm Sài Gòn đứng trước nhiều thách thức: Các công trình có gốm trang trí gốm Sài Gòn, gốm Cây Mai đang xuống cấp, nhiều mảng trang trí bị thay thế bằng vật liệu hiện đại. Nhiều di tích bị mất các cổ vật gốm Sài Gòn trang trí và thờ cúng.

Sự hạn chế trong nhận thức về giá trị của gốm Sài Gòn nên công chúng ít biết đến gốm Sài Gòn như một di sản đô thị, phần lớn chỉ coi đó là trang trí kiến trúc tôn giáo. Do giới nghiên cứu và sưu tầm chưa có quá trình nghiên cứu và hệ thống hóa về Gốm Sài Gòn như chưa có cơ sở dữ liệu toàn diện về di vật gốm Sài Gòn còn lại, chưa có nghiên cứu thực nghiệm về quy trình kỹ thuật và trang trí gốm Sài Gòn...

Gần đây, gốm Sài Gòn được “săn lùng” với giá trị cổ vật độc đáo nên nhiều hiện vật đã bị lấy khỏi di tích - “môi trường/không gian” của cổ vật, làm mất đi giá trị hiện vật và cả giá trị của di tích, giá trị của cảnh quan đô thị. Hiện tượng này có thể coi là sự phá hoại di sản văn hoá đô thị.

Trên phạm vi toàn cầu những nguy cơ đối với di sản khảo cổ được Ủy ban Quản lý Di sản Khảo cổ học Quốc tế ICOMOS (ICAHM) đưa ra và trong đó có không ít những nguy cơ đến từ chính quá trình nghiên cứu, nhận diện, đánh giá, bảo vệ và bảo tồn những di sản đó (ICOMOS Committee on Archaeological Heritage Management: 2001-2002) (Lâm Thị Mỹ Dung 2021: 15 - 16). Đó cũng là những nguy cơ đối với Gốm Sài Gòn - một loại hình di sản khảo cổ ở đô thị Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh, nơi mà quá trình hiện đại hóa đã có tác động tiêu cực đến di sản văn hóa, như di tích Lò gốm cổ Hưng Lợi đã “biến mất”; một thành phố có sự biến đổi dân cư thường xuyên và nhanh chóng, vì vậy trong cộng đồng dân cư “hậu duệ” của chủ nhân Gốm Sài Gòn giờ đây nhiều người cũng không còn ký ức về di sản này.



Sơ đồ 2: Nguy cơ hiện hữu đe dọa di sản khảo cổ
(Nguồn: Lâm Thị Mỹ Dung 2021)

4.2. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản khảo cổ Gốm Sài Gòn

Để gốm Sài Gòn được nhìn nhận đúng giá trị là một di sản khảo cổ - di sản đô thị, từ đó có thể phát huy giá trị di sản, phát triển đặc trưng một sản phẩm tiêu biểu của nghề thủ công truyền thống, xin đề xuất một số giải pháp sau.

- Khảo cứu - nhận diện một cách hệ thống và đồng bộ: Tiến hành điều tra, lập hồ sơ toàn bộ các công trình còn sử dụng gốm Sài Gòn; xác định niên đại, phong cách, nguồn gốc.

- Bảo tồn nguyên trạng: Các cổ vật tại di tích, trùng tu những công trình quan trọng, đồng thời có biện pháp bảo vệ mảng gốm gốc khi tu sửa.

Khảo cổ học đô thị có vai trò chủ yếu trong hai giải pháp trên, qua công tác khảo sát, khai quật, thực nghiệm... Các di tích lò gốm cổ và những kỹ thuật làm gốm truyền thống. - Từ đó có thể lập “bản đồ” gốm Sài Gòn được sản xuất và sử dụng tại thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Bộ và những tỉnh thành khác.

- Trưng bày - giáo dục: Tổ chức chuyên đề về gốm Sài Gòn tại Bảo tàng và những nơi công cộng khi có điều kiện, bằng phương thức kỹ thuật hiện đại. Xây dựng tuyến tham quan “Ký ức gốm Sài Gòn”.

- Khôi phục kỹ thuật chế tác: Nghiên cứu phục dựng kỹ thuật gốm Sài Gòn tại làng gốm Lái Thiêu, Bình Dương, kết hợp kỹ thuật và sản phẩm đương đại của làng gốm này để tạo sản phẩm phục vụ du lịch và nhu cầu tiêu dùng.

- Lồng ghép vào bản sắc đô thị: Đưa gốm Sài Gòn vào các hoạt động quảng bá văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, coi đó là biểu tượng của “di sản đô thị thương mại, đô thị sông nước” bên cạnh các chợ cổ, kiến trúc thuộc địa, và không gian sông nước.

Trong hành trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản đô thị Sài Gòn nói chung và gốm Sài Gòn nói riêng, khảo cổ học đô thị có vai trò quan trọng. Bởi vì, không chỉ nghiên cứu khai quật các di tích dưới lòng đất đô thị, khảo cổ học còn có nhiệm vụ nghiên cứu di tích và kỹ thuật cổ của các làng nghề nơi đô thị, đây là lĩnh vực kinh tế - xã hội chủ yếu phản ánh quá trình phát triển các đô thị, lịch sử khoa học kỹ thuật cùng với các giá trị văn hóa truyền thống.

Việc nghiên cứu vật liệu, kỹ thuật chế tác, và phong cách thể hiện trên gốm Sài Gòn giúp làm rõ quá trình giao lưu văn hóa - kinh tế và nghệ thuật thủ công trong quá trình hình thành và phát triển đô thị Sài Gòn. Gốm Sài Gòn không chỉ là sản phẩm thủ công mà là một lớp văn hóa vật chất quan trọng, đại diện cho một thời kỳ phát triển rực rỡ của nghề gốm và sự mở rộng của khu đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn, khiến nó trở thành một di sản khảo cổ đô thị mang giá trị lịch sử và văn hóa sâu sắc.

Gốm Sài Gòn đã trở thành một phần quan trọng của ký ức vật chất và bản sắc văn hóa Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh. Vai trò của khảo cổ học đô thị là góp phần bảo tồn di sản văn hóa đô thị, gốm Sài Gòn - một di sản khảo cổ phản ánh tiến trình hình thành, giao thoa văn hóa - kỹ thuật và phát triển của một dòng gốm đa văn hóa. Đồng thời, nếu được khôi phục và tích hợp vào các hoạt động sáng tạo - du lịch - giáo dục, gốm Sài Gòn hoàn toàn có thể trở thành một nguồn lực văn hóa - kinh tế mới trong Công nghiệp văn hoá - di sản cho thành phố Hồ Chí Minh đương đại.

Chú thích:

1. Khảo sát của tác giả những năm 1999 - 2005 tại Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nội... chủ nhân các hiện vật này cho biết gốm Cây Mai/gốm Sài Gòn theo các chuyến tàu biển thường xuyên từ cảng Sài Gòn ra cảng Hải Phòng.

2. Khảo sát của tác giả những năm 2010 - 2015 tại Đắc Lắc, Gia Lai, trong một số sưu tập tư nhân và gia đình.

3. Khảo sát của tác giả năm 2024, 2025. thành phố Hồ Chí Minh sau sáp nhập bao gồm cả tỉnh Bình Dương - nơi có làng gốm Lái Thiêu hiện còn một số lò gốm đang sản xuất, phục hồi và sử dụng nhiều mẫu mã, hoa văn truyền thống.

ẢNH MINH HỌA



Hình 1.



Hình 2.

**Bộ tượng gốm Sài Gòn men nhiều màu Tam quan Đại đế, niên đại: Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX
vừa được công nhận là Bảo vật quốc gia**

(Nguồn: Lê Thanh Nghĩa)



Hình 3. Thố gốm

**Hiện vật của nhà sưu tập Đỗ Quyên,
An Giang**



Hình 4. Bộ bình, khay “Đồng Hòa diêu tạo”

**Hiện vật của nhà sưu tập Nguyễn Thiên Tộ,
thành phố Hồ Chí Minh**



Hình 5. Bộ tượng ông Nhật bà Nguyệt.
Hiện vật của nhà sưu tập Nguyễn Đức Toàn, thành phố Hồ Chí Minh



Hình 6. Bình Vọng Xuân
Hiện vật của nhà sưu tập Đỗ Quyên,
An Giang



Hình 7. Lư hương
Gốm Nam Phong, sưu tập Hồ Hoàng Tuấn,
thành phố Hồ Chí Minh



Hình 8. Khay “Đồng Hòa Diêu Tạo”, Gốm Cây Mai, sưu tập Hồ Hoàng Tuấn, thành phố Hồ Chí Minh
(Nguồn ảnh: Nguyễn Anh Tuấn, (Lê Quang Hào 2025))

TÀI LIỆU DẪN

CÔNG BÁO SỐ 1519 + 1520/ Ngày 29-12-2024. Nguồn: file:///C:/Users/Acer/Downloads/luat45.pdf.

ĐẶNG VĂN THẮNG, NGUYỄN THỊ HẬU 2001. “Kỹ thuật sản xuất của lò gốm cổ Hưng Lợi quận 8 thành phố Hồ Chí Minh”. Trong *Khảo cổ học*, số 2: 101-122.

INTERNATIONAL COUNCIL ON MONUMENTS AND SITES (ICOMOS) 1990. *Charter for the protection and management of the archaeological heritage (1990)*. Hiến chương về Bảo vệ và Quản trị Di sản Khảo cổ (1990). Nguồn: https://www.patrimoniocultural.gov.pt/wp-content/uploads/2024/01/1990carta_internacional_sobre_a_protecao_e_a_gestao_do_patrimonio_arqueologico-icomos.pdf, truy cập 28.9.2025.

LÂM THỊ MỸ DUNG 2021. “Di sản khảo cổ học: Một số quan điểm và tiếp cận mới trong đánh giá và sử dụng giá trị”. Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Di sản khảo cổ học lý thuyết và thực tiễn*, Hà Nội.

LÊ THỊ MINH TRÀ 2016. *Di sản khảo cổ học trong bối cảnh đương đại (qua nghiên cứu trường hợp khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long Hà Nội)*. Luận văn Thạc sĩ Văn hóa học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

NGUYỄN THỊ HẬU 1998. “Xóm Lò Gốm Sài Gòn xưa”. Trong *Văn hóa Nghệ thuật*, số 4: 40-43.

NGUYỄN THỊ HẬU 2010. *Vùng gốm Đông Nam bộ. Khảo cổ học bình dân Nam bộ Việt Nam từ thực nghiệm đến lý thuyết*. Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

NGUYỄN THỊ HẬU 2023. “Gốm Cây Mai - Gốm Sài Gòn: Truyền thống và phát triển”. Trong *Bảo tồn, phát triển Gốm Biên Hòa - Đồng Nai kết hợp khai thác, phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Biên Hòa*, Nxb. Khoa học xã hội.

NGUYỄN THỊ HẬU 2025. Phát huy giá trị gốm Sài Gòn. Trong *Xưa và Nay* số 580 tháng 10/2025.

NGUYỄN THỊ HẬU 2017 (tái bản 2019). *Đô thị Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh khảo cổ học và bảo tồn di sản đô thị*. Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

NGUYỄN THỊ HẬU, LÊ THIẾT CƯƠNG 2015. “Gốm cổ Nam Bộ: Hồn đất và người Nam Bộ”. Trong *Tia Sáng*, 5/2015, nguồn: <https://tiasang.com.vn/-van-hoa/gom-co-nam-bo-hon-dat-va-nguoi-nam-bo-8730/>.

LÊ QUANG HÀO (cb) 2025. *Nghệ thuật cổ và xưa từ những sưu tập*. Nxb. Văn hóa dân tộc.

PHẠM PHÚ CƯỜNG 2015. *Duy trì và chuyển tải các giá trị kiến trúc đô thị đặc trưng trong bối cảnh phát triển mở rộng khu vực trung tâm hiện hữu TP. Hồ Chí Minh*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh.

TRỊNH HOÀI ĐỨC 1820, 2019. *Gia Định Thành Thông chí*. Phạm Hoàng Quân dịch, chú và khảo chứng, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

TRUNG DŨNG 2019. *Lò gốm Hưng Lợi và diễn tiến “xoá sổ” một di tích quốc gia*. Nguồn: <https://nguoidothi.net.vn/lo-gom-hung-loi-va-dien-tien-xoa-so-mot-di-tich-quoc-gia-19294.html>

Tóm tắt

Di sản đô thị không chỉ là những công trình kiến trúc - nghệ thuật còn hiện diện và tham gia vào cuộc sống, hay các di tích đô thị cổ dưới lòng đất được phát hiện và nghiên cứu qua công tác khai quật... Di sản đô thị còn có những di vật, cổ vật là sản phẩm của những làng nghề thủ công truyền thống, hình thành và phát triển cùng quá trình phát triển đô thị, như nghề làm gốm ở Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh.

Bài viết tiếp cận liên ngành khảo cổ học đô thị và bảo tồn di sản, nhằm làm rõ những giá trị di sản văn hóa đô thị nói chung và giá trị di sản khảo cổ nói riêng của Gốm Sài Gòn, thông qua đặc trưng kỹ thuật, sản phẩm và quá trình phát triển. Gốm Sài Gòn đã phản ánh bản sắc văn hóa, tình trạng kinh tế - xã hội đô thị Sài Gòn từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX. Vì vậy bảo tồn và phát huy giá trị di sản của gốm Sài Gòn trong quá trình đô thị hóa - hiện đại hóa là vô cùng quan trọng và cần thiết, góp phần nghiên cứu Khảo cổ học đô thị Việt Nam, phát triển thành phố Hồ Chí Minh hiện đại và giàu bản sắc.

Từ khóa: Gốm Sài Gòn, khảo cổ học đô thị, di sản khảo cổ.

Abstract

Urban heritage encompasses not only extant architectural and artistic monuments that continue to function within contemporary life, or subsurface urban remains revealed through archaeological excavation, but also artifacts and antiquities produced by traditional craft villages that emerged and developed in tandem with urbanisation-such as ceramic production in Saigon-Hồ Chí Minh City.

Adopting an interdisciplinary approach that integrates urban archaeology and heritage conservation, this article seeks to elucidate the cultural values of urban heritage in general, and the archaeological significance of Saigon ceramics in particular, through an examination of their technical characteristics, product typologies, and historical development. Saigon ceramics reflect the cultural identity and socio-economic conditions of urban Saigon from the eighteenth to the early twentieth centuries.

Accordingly, the preservation and promotion of Saigon ceramic heritage in the context of ongoing urbanisation and modernisation are both essential and urgent. Such efforts contribute not only to the advancement of urban archaeology in Vietnam but also to the sustainable development of Hồ Chí Minh City as a modern metropolis with a distinctive cultural identity.

Keywords: Saigon ceramics; urban archaeology; archaeological heritage.